

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ Trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2306/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 761/TTr-SNNMT ngày 11 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 01 Danh mục thủ tục hành chính cấp xã được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt 01 quy trình nội bộ giải quyết đối với thủ tục hành chính lĩnh vực giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

(Có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1715/QĐ-UBND ngày 07/07/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ giải

quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Hương (03b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Hồng Minh

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. Danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh: 01 TTHC

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	1.011606	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	105 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu chính công ích	Không	- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 (Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg); - Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo (Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH); - Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH (Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH); - Thông tư số 13/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Phụ lục II
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO THUỘC
PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm

Thời hạn giải quyết: 105 ngày (*rà soát từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 của năm*)

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Hồ sơ theo quy định (bản cứng, bản scan)	1 ngày
B2	Phòng Kinh tế - UBND xã tiếp nhận hồ sơ	Trưởng phòng Kinh tế	Ý kiến phân công thụ lý	1 ngày
B3	Thụ lý hồ sơ	Cán bộ phụ trách lĩnh vực giảm nghèo, BCĐ rà soát hộ nghèo cấp xã.	Rà soát hộ nghèo (<i>lập danh sách hộ gia đình cần rà soát; thu thập thông tin, tính điểm và phân loại hộ gia đình; tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát</i>)	75 ngày

B4	Niêm yết kết quả rà soát công khai tại nhà văn hoá.	BCĐ rà soát hộ nghèo cấp xã.	Danh sách	3 ngày
	Phúc tra khi có ý kiến khiếu nại; niêm yết kết quả phúc tra (nếu có).	BCĐ rà soát hộ nghèo cấp xã.	Danh sách	10 ngày
B5	Tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã về danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo (sau khi rà soát) theo phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH.	BCĐ rà soát hộ nghèo cấp xã.	Báo cáo	0,5 ngày
B6	Báo cáo xin ý kiến Chủ tịch UBND cấp tỉnh cho ý kiến về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn	Chủ tịch UBND xã	Báo cáo	1 ngày
B7	Chủ tịch UBND cấp tỉnh cho ý kiến về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.	Chủ tịch UBND tỉnh	Văn bản phản hồi	5 ngày
B8	Sau khi tiếp thu ý kiến của Chủ tịch UBND cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã ban hành Quyết định: - Công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và cấp giấy chứng nhận cho hộ nghèo hộ cận nghèo. - Công nhận danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo.	Chủ tịch UBND cấp xã.	Quyết định	7 ngày

B9	Đóng dấu phát hành	Văn thư đóng dấu và phát hành chuyển cho bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Quyết định; Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo.	0,5 ngày
B10	Tiếp nhận, trả kết quả.	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Trả kết quả; lưu hồ sơ	1 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				105 ngày